

Số: 174/QĐ-ĐHNH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 377/QĐ-ĐHNH ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 174/2003/QĐ-TTg ngày 20/08/2003 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Trường Đại học Ngân hàng Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1650/QĐ-NHNN ngày 20/8/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Theo đề nghị của Trường Khoa Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 377/QĐ-ĐHNH ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Thay cụm từ “ Bồi dưỡng sau đại học” thành “Bồi dưỡng chuyên sâu sau đại học” tại Điều 7 và Điều 9.

2. Sửa đổi Khoản 4 và bổ sung thêm Khoản 5 Điều 9. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ như sau:

“4. Học viên được xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ thuộc đối tượng quy định tại Điểm a, Khoản 1 Điều này phải thực hiện nghĩa vụ học phí theo quy định của chương trình đào tạo thạc sĩ mà học viên đang theo học.”

“5. Đối với đối tượng được quy định tại Điểm b, c Khoản 1 Điều này, trường hợp các học phần trong chương trình đào tạo thạc sĩ hiện hành có thay đổi so với các môn học học viên đã học, Khoa Sau đại học trình Hiệu trưởng xem xét quyết định môn thay thế hoặc tương đương theo quy định hiện hành.”

3. Sửa đổi Khoản 3 Điều 10. Phương thức tuyển sinh như sau:

“3. Phương thức xét tuyển là phương thức xác định người trúng tuyển dựa trên hồ sơ dự tuyển.”

4. Sửa đổi Điểm a Khoản 2 Điều 14. Đối tượng và chính sách ưu tiên như sau:

“a) Người dự tuyển thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại Khoản 1 Điều này (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng 01 (một) điểm (thang điểm 10) cho một trong hai môn thi được quy định tại Điểm b, c Khoản 2 Điều 11 Quy chế này hoặc cộng 05 (năm) điểm vào điểm xét tuyển nếu người dự tuyển đăng ký xét tuyển;”

5. Sửa đổi Khoản 3 Điều 16. Đăng ký dự tuyển như sau:

“3. Khoa Sau đại học lập danh sách thí sinh đủ điều kiện dự tuyển và công khai trên trang thông tin điện tử của Trường chậm nhất 07 ngày trước khi họp Hội đồng xét tuyển. Trong trường hợp thi tuyển, Khoa Sau đại học thông báo cho thí sinh chậm nhất 15 ngày trước ngày thi môn đầu tiên.”

6. Sửa đổi Điểm a Khoản 2 Điều 21. Tổ chức chấm thi, tổ chức xét tuyển, tổ chức kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển như sau:

“a) Ban thư ký, Ban Đánh giá hồ sơ thực hiện các công việc quy định tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Quy chế này, trình Hội đồng tuyển sinh danh sách kèm theo điểm của thí sinh sắp xếp theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp của điểm xét tuyển và dự kiến điểm trúng tuyển, danh sách thí sinh trúng tuyển trình Hội đồng tuyển sinh xem xét;”

7. Sửa đổi Điểm c Khoản 1 Điều a, b Khoản 2 Điều 23. Trúng tuyển như sau:

“1. Đối với phương thức thi tuyển

c) Trường hợp có nhiều thí sinh cùng tổng điểm hai môn thi nêu trên (đã cộng cả điểm ưu tiên, nếu có) thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên sau: (1) Thí sinh là nữ ưu tiên theo quy định tại Khoản 4 Điều 16 Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 về các biện pháp đảm bảo bình đẳng giới; (2) Người có điểm cao hơn ở môn cơ sở, môn cơ bản; (3) Người có điểm trung bình cộng của tất cả các học phần ngoại ngữ trong bảng điểm tốt nghiệp đại học cao hơn; (4) Người tốt nghiệp đại học ưu tiên theo thứ tự: ngành, chuyên ngành phù hợp; ngành, chuyên ngành gần; ngành, chuyên ngành khác với ngành dự tuyển.

2. Đối với phương thức xét tuyển

a) Căn cứ vào chỉ tiêu đã được xác định cho từng ngành/ chuyên ngành đào tạo trong tổng chỉ tiêu của Trường và điểm xét tuyển hồ sơ của từng thí sinh, Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển và số lượng thí sinh trúng tuyển;

b) Trường hợp có nhiều thí sinh bằng điểm nhau ở mức điểm trúng tuyển thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên sau: (1) Thí sinh là nữ ưu tiên theo quy định tại Khoản 4 Điều 16 Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 về các biện pháp đảm bảo bình đẳng giới; (2) Người có điểm trung bình toàn khóa học ở bậc đại học (không tính điểm ưu tiên) cao hơn; (3) Người có điểm trung bình cộng của tất cả các học phần ngoại ngữ trong bảng điểm tốt nghiệp đại học cao hơn; (4) Người tốt nghiệp đại học ưu tiên theo thứ tự: ngành, chuyên ngành phù hợp; ngành, chuyên ngành gần; ngành, chuyên ngành khác với ngành dự tuyển.”

8. Sửa đổi Điểm a, c, d và Điểm đ Khoản 2 Điều 26. Tổ chức đào tạo như sau:

“a) Học viên chọn lớp học từ lúc đăng ký lịch học và phải đăng ký học tất cả các học phần trong chương trình đào tạo của Trường đã công bố, trong đó, học viên có thể lựa chọn: (1) Học 70% tổng khối lượng của chương trình đào tạo trực tiếp tại Trường, 30% trực tuyến; (2) Học 50% tổng khối lượng của chương trình đào tạo trực tiếp tại Trường, 20% tổng khối lượng của chương trình đào tạo (thực hành, thực tập, nghiên cứu và trải nghiệm thực tế...) ở ngoài Trường, 30% trực tuyến;”

“c) Lớp học được tổ chức theo từng đợt tuyển sinh; số lượng tối thiểu để tổ chức lớp học phân là 30, tối đa là 50. Trong trường hợp chỉ tiêu tuyển sinh hoặc số lượng thí sinh nhập học nhỏ hơn 30 thì tổ chức lớp học theo số lượng thực tế nhập học. Các trường hợp đặc biệt phát sinh ngoài quy định đã nêu, Khoa Sau đại học trình Hiệu trưởng quyết định.”

“Hủy bỏ Điểm đ”

“Điểm đ đổi thành Điểm d”

9. Sửa đổi Điểm d Khoản 5 Điều 28. Luận văn thạc sĩ như sau:

“d) Hội đồng đánh giá đề cương chi tiết bao gồm: Chủ tịch hội đồng, thư ký hội đồng và ủy viên hội đồng; tiêu chuẩn thành viên hội đồng đánh giá đề cương chi tiết giống như tiêu chuẩn thành viên hội đồng đánh giá luận văn thạc sĩ được quy định tại Khoản 2, Điểm b Điều 29 Quy chế này;”

10. Sửa đổi Điểm b Khoản 3 Điều 29. Đánh giá luận văn như sau:

“b) Đã nộp luận văn được trình bày theo đúng hướng dẫn tại Phụ lục số 8 ban hành kèm theo Quy chế này và luận văn phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu theo quy định tại Quy chế liên chính học thuật hiện hành của Trường Đại học Ngân hàng TP Hồ Chí Minh.”

11. Sửa đổi Điểm h Khoản 1 Điều 38. Nghỉ học tạm thời, thôi học, buộc thôi học, gia hạn thời gian đào tạo như sau:

“h) Thời gian nghỉ học tạm thời cho người được điều động vào lực lượng vũ trang, được cơ quan có thẩm quyền điều động, đại diện quốc gia tham dự các kỳ thi,

giải đấu quốc tế hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác của quốc gia, của ngành. Bị ốm, thai sản hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, nhưng phải có giấy xác nhận của cơ sở khám, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế không tính vào thời gian học theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Quy chế này.”

12. Sửa đổi Phụ lục 01. Danh mục ngành phù hợp, ngành gần và ngành khác với ngành, chuyên ngành đào tạo và các học phần phải học bổ sung tương ứng

“I. THẠC SĨ TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

Thí sinh tốt nghiệp hoặc đủ điều kiện tốt nghiệp đại học các ngành phù hợp, ngành gần và ngành khác quy định sau đây được dự tuyển đầu vào chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ Tài chính-Ngân hàng:

1. TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC CHUYÊN NGÀNH PHÙ HỢP

Mã số	Tên tiếng Việt
73402	Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm
7340201	Tài chính – Ngân hàng
7340204	Bảo hiểm
7340205	Công nghệ tài chính

Một số chuyên ngành không có tên trùng với chuyên ngành ở trên nhưng được xác định là phù hợp với ngành Tài chính – Ngân hàng khi chương trình đào tạo của ngành này ở trình độ Đại học khác nhau dưới 10% tổng số tiết học hoặc tín chỉ của khối ngành Tài chính – Ngân hàng.

2. TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC CHUYÊN NGÀNH GẦN

Mã số	Tên tiếng Việt	CÁC MÔN HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC
73401	Kinh doanh	Học bổ sung kiến thức 4 môn, mỗi môn 3 tín chỉ gồm: Lý thuyết tài chính tiền tệ Tín dụng Ngân hàng Quản trị ngân hàng thương mại Tài chính doanh nghiệp
7340101	Quản trị kinh doanh	
7340115	Marketing	
7340116	Bất động sản	
7340120	Kinh doanh quốc tế	
7340121	Kinh doanh thương mại	
7340122	Thương mại điện tử	
7340123	Kinh doanh thời trang và dệt may	
73403	Kế toán – Kiểm toán	
7340301	Kế toán	
7340302	Kiểm toán	
73404	Quản trị – Quản lý	
7340401	Khoa học quản lý	
7340403	Quản lý công	
7340404	Quản trị nhân lực	
7340405	Hệ thống thông tin quản lý	
7340406	Quản trị văn phòng	

7340408	Quan hệ lao động	
7340409	Quản lý dự án	

Một số chuyên ngành có tên không giống chuyên ngành liệt kê ở trên, được xác định là ngành gần khi chương trình đào tạo của ngành này ở trình độ đại học khác nhau từ 10% đến 40% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành Tài chính – Ngân hàng (giống ít nhất 60% tương đương 37 tín chỉ kiến thức chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng, chương trình đào tạo Đại học của Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM).

3. TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC CHUYÊN NGÀNH KHÁC

Những chuyên ngành không thuộc Quy định tại mục 1 và 2 nêu trên học bổ sung kiến thức 6 môn, mỗi môn 3 tín chỉ gồm: Lý thuyết tài chính tiền tệ, Tín dụng Ngân hàng, Quản trị ngân hàng thương mại, Tài chính doanh nghiệp, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô.

II. THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Thí sinh tốt nghiệp hoặc đủ điều kiện tốt nghiệp đại học các ngành phù hợp, ngành gần và ngành khác quy định sau đây được dự tuyển đầu vào chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh:

1. TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC CHUYÊN NGÀNH PHÙ HỢP

Mã số	Tên tiếng Việt
7340101	Quản trị kinh doanh
7340115	Marketing
7340116	Bất động sản
7340120	Kinh doanh quốc tế
7340121	Kinh doanh thương mại
7340122	Thương mại điện tử
7340123	Kinh doanh thời trang và dệt may

Một số chuyên ngành không có tên trùng với chuyên ngành ở trên nhưng được xác định là phù hợp với ngành Quản trị Kinh doanh khi chương trình đào tạo của ngành này ở trình độ đại học khác nhau dưới 10% tổng số tiết học hoặc tín chỉ của khối ngành Quản trị Kinh doanh.

2. TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC CHUYÊN NGÀNH GẦN

Mã số	Tên tiếng Việt	CÁC MÔN HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC
73402	Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm	Học bổ sung kiến thức 4 môn, mỗi môn 3 tín chỉ gồm: Quản trị học Marketing căn bản Tài chính doanh nghiệp Lý thuyết tài chính tiền tệ.
7340201	Tài chính – Ngân hàng	
7340204	Bảo hiểm	
7340205	Công nghệ tài chính (thêm vào)	
73403	Kế toán – Kiểm toán	
7340301	Kế toán	
7340302	Kiểm toán	
73404	Quản trị – Quản lý	
7340401	Khoa học quản lý	
7340403	Quản lý công nghệ	
7340404	Quản trị nhân lực	
7340405	Hệ thống thông tin quản lý	
7340406	Quản trị văn phòng	

7340408	Quan hệ lao động
7340409	Quản lý dự án
Các chuyên ngành thuộc lĩnh vực kinh tế	
7310101	Kinh tế
7310102	Kinh tế chính trị
7310104	Kinh tế đầu tư
7310105	Kinh tế phát triển
7310106	Kinh tế quốc tế
7310107	Thống kê kinh tế
7310108	Toán kinh tế
7310109	Kinh tế số
7380107	Luật kinh tế
7510604	Kinh tế công nghiệp
7580301	Kinh tế xây dựng
7620115	Kinh tế nông nghiệp
7810501	Kinh tế gia đình
7840104	Kinh tế vận tải
7850102	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
Các chuyên ngành thuộc lĩnh vực quản trị, kinh doanh, quản lý	
7340404	Quản trị nhân lực
7340406	Quản trị văn phòng
7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
7810201	Quản trị khách sạn
7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống
7140114	Quản lý giáo dục
7229042	Quản lý văn hóa
7310205	Quản lý nhà nước
7320205	Quản lý thông tin
7320402	Kinh doanh xuất bản phẩm
7340401	Khoa học quản lý
7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
7580106	Quản lý đô thị và công trình
7580302	Quản lý xây dựng
7620211	Quản lý tài nguyên rừng
7620305	Quản lý thủy sản
7620114	Kinh doanh nông nghiệp
7720801	Tổ chức và Quản lý y tế
7720802	Quản lý bệnh viện
7810301	Quản lý thể dục thể thao
7840102	Quản lý hoạt động bay
7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
7850103	Quản lý đất đai

7860109	Quản lý nhà nước về an ninh trật tự	
7860110	Quản lý trật tự an toàn giao thông	
7860220	Chỉ huy, quản lý kỹ thuật	

Một số chuyên ngành có tên không giống chuyên ngành liệt kê ở trên, được xác định là ngành gần khi chương trình đào tạo của ngành này ở trình độ đại học khác nhau từ 10% đến 40% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành Quản trị Kinh doanh (giống ít nhất 60% tương đương 37 tín chỉ kiến thức chuyên ngành Quản trị Kinh doanh, chương trình đào tạo Đại học của Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM).

3. TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC CHUYÊN NGÀNH KHÁC

Những chuyên ngành không thuộc Quy định tại mục 1 và 2 nêu trên học bổ sung kiến thức 6 môn, mỗi môn 3 tín chỉ gồm: Quản trị học, Marketing căn bản, Tài chính doanh nghiệp, Lý thuyết tài chính tiền tệ, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô.

III. THẠC SĨ LUẬT KINH TẾ

Thí sinh tốt nghiệp hoặc đủ điều kiện tốt nghiệp đại học các ngành phù hợp, ngành gần và ngành khác quy định sau đây được dự tuyển đầu vào chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ Luật kinh tế:

1. TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC CHUYÊN NGÀNH PHÙ HỢP

Mã số	Tên tiếng Việt
738	Pháp luật
7380101	Luật
7380107	Luật kinh tế
7380103	Luật dân sự và tố tụng dân sự
7380104	Luật hình sự và tố tụng hình sự
7380108	Luật quốc tế
7380102	Luật hiến pháp và luật hành chính

Một số chuyên ngành không có tên trùng với chuyên ngành ở trên nhưng được xác định là phù hợp với ngành Luật Kinh tế khi chương trình đào tạo của ngành này ở trình độ đại học khác nhau dưới 10% tổng số tiết học hoặc tín chỉ của khối ngành Luật Kinh tế.

2. TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC CHUYÊN NGÀNH GẦN

Mã số	Tên tiếng Việt	CÁC MÔN HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC
731	Khoa học xã hội và hành vi	Học bổ sung kiến thức 4 môn, mỗi môn 3 tín chỉ: Luật thương mại Luật dân sự Luật hình sự Luật hành chính
73101	Kinh tế học	
7310101	Kinh tế	
7310102	Kinh tế chính trị	
7310104	Kinh tế đầu tư	
73102	Khoa học chính trị	
7310201	Chính trị học	
7310202	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	
7310205	Quản lý nhà nước	
7310206	Quan hệ quốc tế	
732	Báo chí và thông tin	

73201	Báo chí và truyền thông		
7320101	Báo chí		
7320108	Quan hệ công chúng		
786	An ninh quốc phòng		
78601	An ninh và trật tự xã hội	Học bổ sung kiến thức 4 môn, mỗi môn 3 tín chỉ: Luật thương mại Luật dân sự Luật hình sự Luật hành chính	
7860101	Trình sát an ninh		
7860102	Trình sát cảnh sát		
7860104	Điều tra hình sự		
7860109	Quản lý nhà nước về an ninh trật tự		
7860110	Quản lý trật tự an toàn giao thông		
7860111	Thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp		
7229001	Triết học		
734	Kinh doanh và quản lý		
73401	Kinh doanh		Học bổ sung kiến thức 4 môn, mỗi môn 3 tín chỉ: Luật thương mại Luật dân sự Luật hình sự Luật hành chính
734010	Quản trị kinh doanh		
7340115	Marketing		
7340116	Bất động sản		
7340120	Kinh doanh quốc tế		
7340121	Kinh doanh thương mại		
7340122	Thương mại điện tử		
7340123	Kinh doanh thời trang và dệt may		
73402	Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm	Học bổ sung kiến thức 4 môn, mỗi môn 3 tín chỉ: Luật thương mại Luật dân sự Luật hình sự Luật hành chính	
7340201	Tài chính – Ngân hàng		
7340204	Bảo hiểm		
73403	Kế toán – kiểm toán		
7340301	Kế toán		
7340302	Kiểm toán		
73404	Quản trị - Quản lý		
7340401	Khoa học quản lý		
7340403	Quản lý công		
7340404	Quản trị nhân lực		
7340405	Hệ thống thông tin quản lý		
7340406	Quản trị văn phòng		
7340408	Quan hệ lao động		
7340409	Quản lý dự án		

Một số chuyên ngành có tên không giống chuyên ngành liệt kê ở trên, được xác định là ngành gần khi chương trình đào tạo của ngành này ở trình độ đại học khác nhau từ 10% đến 40% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành Luật Kinh tế (giống ít nhất 60% tương đương 37 tín chỉ kiến thức chuyên ngành Luật Kinh tế, chương trình đào tạo Đại học của Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM).

3. TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC CHUYÊN NGÀNH KHÁC

Những chuyên ngành không thuộc Quy định tại mục 1 và 2 nêu trên học bổ sung kiến thức 6 môn, mỗi môn 3 tín chỉ gồm: Luật thương mại, Luật dân sự, Luật hình sự, Luật hành chính, Luật hiến pháp, Luật tố tụng dân sự.

13. Sửa đổi Phụ lục 7. Các ban giúp việc Hội đồng tuyển sinh như sau:

“I. BAN THƯ KÝ

1. Thành phần Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh (gọi tắt là Ban thư ký) gồm: Trưởng ban là lãnh đạo Khoa Sau đại học và các ủy viên.

Đề giúp việc Ban thư ký, Trưởng ban Thư ký đề xuất Hội đồng tuyển sinh thành lập các tổ giúp việc: Tổ nhận và xử lý dữ liệu, Tổ nhận và xử lý hồ sơ, Tổ tư vấn thí sinh...”

“V. BAN ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ

4. Quy trình đánh giá hồ sơ

b) Tổ chức thẩm định từng hồ sơ, xác định các hồ sơ đủ điều kiện hay không đủ điều kiện dự tuyển theo quy định.

c) Chấm điểm hồ sơ đối với các hồ sơ đủ điều kiện dự tuyển theo thang điểm sau:

THANG ĐIỂM HỒ SƠ DỰ TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

TT	Tiêu chí xét	Nội dung	Điểm	Tổng điểm tối đa
1	I. Tốt nghiệp đại học	Xếp loại tốt nghiệp		85
1.1	Chuyên ngành phù hợp	Xuất sắc	85	
		Giỏi	83	
		Khá	81	
		Trung bình khá	78	
		Trung bình	75	
1.2	Chuyên ngành gần			80
		Xuất sắc	80	
		Giỏi	78	
		Khá	76	
		Trung bình khá	73	
		Trung bình	70	
1.3	Chuyên ngành khác			78
		Xuất sắc	78	
		Giỏi	76	
		Khá	74	
		Trung bình khá	71	
		Trung bình	69	
2	Bài báo khoa học (1)	Vai trò	Điểm	5
2.1	Bài báo đăng trên các tạp chí khoa học được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm từ 1.0 trở lên		5	

2.2	Bài báo đăng trên các tạp chí khoa học được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm từ 0.75 trở lên đến dưới 1.0 điểm		4	
2.3	Bài đăng ký yếu hội thảo được xuất bản có chỉ số ISBN hoặc Bài báo đăng trên các tạp chí khoa học được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm dưới 0.75.		3	
3	Kinh nghiệm công tác (2)			10
3.1	Từ đủ 5 năm trở lên		10	
3.2	Từ đủ 1 năm đến dưới 5 năm		7	
3.3	Dưới 1 năm		4	
	Tổng điểm			100

Lưu ý: (1) Trường hợp thí sinh có nhiều bài báo, bài hội thảo thỏa mãn yêu cầu thì tính điểm của từng bài theo thang điểm nêu trên. Điểm Bài báo khoa học của thí sinh sẽ là tổng điểm tất cả các bài báo, hội thảo nhưng tổng điểm không quá 5 điểm.

(2) Minh chứng kinh nghiệm công tác: Giấy xác nhận thời gian công tác của Cơ quan/Đơn vị nơi làm việc.

d) Lập danh sách điểm của thí sinh sắp xếp theo thứ tự từ cao xuống thấp (bao gồm cả điểm ưu tiên) và giao lại Ban Thư ký;”

14. Sửa đổi Phụ lục 10. Mẫu các loại hồ sơ bảo vệ luận văn Thạc sĩ

“TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG
TP. HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN BẢO VỆ LUẬN VĂN THẠC SĨ

Kính gửi: - Hiệu Trưởng Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM;
- Khoa Sau đại học;
- Giảng viên hướng dẫn.

Tôi tên là: Giới tính:

Sinh ngày tháng năm:: Nguyên quán:

Số CMND: Ngày cấp: Nơi cấp:

Mã học viên: Khóa: Lớp: Niên khóa: 20..... – 20.....

Cao học ngành: Mã số ngành:

Nơi công tác:

Điện thoại liên lạc: Email:

Tôi được công nhận là Học viên cao học theo Quyết định số: /QĐ-ĐHNH ngày tháng năm của Hiệu trưởng trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.

Sau thời gian học tập và thực hiện đề tài nghiên cứu, đến nay tôi đã hoàn thành luận văn Thạc sỹ với đề tài:

Người hướng dẫn khoa học:

Tỷ lệ trùng lặp tổng hợp trên phần mềm kiểm tra tính trùng lặp:

Tôi đã hoàn thành chương trình học tập theo qui định cho Học viên Cao học, đã được Cơ sở đào tạo và được người hướng dẫn luận văn thông qua.

Nay tôi làm đơn này kính đề nghị Hiệu trưởng, Khoa Sau đại học cho phép tôi được bảo vệ luận văn trước Hội đồng đánh giá luận văn Thạc sỹ. Ngôn ngữ bảo vệ.....

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng ... năm 20..

Xác nhận của giảng viên hướng dẫn

(Nhận xét nội dung LV, ý thức, thái độ nghiên cứu của HV, có đồng ý cho HV bảo vệ hay không?)

Người làm đơn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG
TP. HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ LUẬN VĂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 20...

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ LUẬN VĂN THẠC SĨ
Chuyên ngành:

Hội đồng đánh giá luận văn thạc sỹ được thành lập theo Quyết định số/QĐ-ĐHNH ngày, của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh, đã tổ chức họp vào lúc giờ..... ngày tại phòng, số (địa chỉ)..... để đánh giá luận văn thạc sỹ đối với học viên cao học: (Tên học viên)

Tên đề tài:

Người hướng dẫn khoa học:

Số thành viên Hội đồng có mặt: Số thành viên vắng mặt:..... lý do: ...

NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. Ông/Bà: - thư ký công bố Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận văn thạc sỹ của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.
2. Chủ tịch hội đồng:điều khiển cuộc họp.
3. Thư ký hội đồng:..... thông qua lý lịch khoa học và bảng điểm cao học của học viên.
4. Học viên:trình bày tóm tắt luận văn.
5. Phản biện 1:đọc bản nhận xét và đặt câu hỏi (có văn bản kèm theo)

6. Phản biện 2:đọc bản nhận xét và đặt câu hỏi (có văn bản kèm theo)
 7. Các thành viên khác phát biểu và đặt câu hỏi (nếu có).
 8. Học viên trả lời các câu hỏi:
 - Tổng số câu hỏi:
 - Tổng số câu học viên trả lời: Tổng số câu học viên không trả lời:
 9. Người hướng dẫn khoa học: phát biểu (nếu có).
 10. Hội đồng họp kín:

Sau khi trao đổi thảo luận, Hội đồng Quyết nghị như sau:

- Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài:
- Mức độ phù hợp chuyên ngành đào tạo:
- Tính trùng lặp với các công trình nghiên cứu:
- Phương pháp nghiên cứu:
- Hình thức kết cấu:
- Chất lượng, độ tin cậy của số liệu, tài liệu tham khảo:
- Những mặt đạt được của luận văn (trong đó làm rõ đóng góp mới của luận văn):

- Những hạn chế của luận văn:.....
- Chất lượng công trình khoa học đã công bố (nếu có):
- Chất lượng trình bày bằng tiếng Anh (nếu có):
- Mức độ trả lời câu hỏi:
- Hội đồng **nhất trí** hay **không nhất trí** đề nghị Hiệu trưởng công nhận học vị Thạc sĩ cho học viên:
- **Đề tài cần chỉnh sửa những nội dung sau:**
 + Những nội dung bắt buộc phải chỉnh sửa:
- + Những nội dung khác tham khảo ý kiến các thành viên Hội đồng để hoàn thiện luận văn:
- + Hội đồng yêu cầu sau khi chỉnh sửa luận văn có cần phải thông qua phản biện hay không? (có/không):
- **Hội đồng cho điểm đề tài:** Điểm của đề tài được các thành viên xác định trên từng phiếu đánh giá, thư ký tổng hợp kết quả dưới sự chứng kiến của tất cả các thành viên hội đồng như sau:
 + Tổng số điểm: điểm (Bằng chữ:)
- + Điểm trung bình: điểm (Bằng chữ:)

Sau khi chỉnh sửa học viên làm báo cáo chỉnh sửa theo mẫu, gửi lại cho Người hướng dẫn, Phản biện (nếu Hội đồng có yêu cầu) và Chủ tịch Hội đồng kiểm tra và ký xác nhận chỉnh sửa. Thời hạn chỉnh sửa và nộp luận văn cho Khoa Sau đại học tối đa 30 ngày tính từ ngày bảo vệ.

Nội dung Biên bản được/..... thành viên nhất trí thông qua.

Cuộc họp kết thúc lúc giờ cùng ngày.

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng với các khóa tuyển sinh từ năm 2022.

Điều 3. Trưởng Khoa Sau đại học, Trưởng khoa, bộ môn, phòng, ban, giảng viên, học viên và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (báo cáo);
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: Khoa SDH, Văn phòng.

**HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Nguyễn Đức Trung

